TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2026/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 206/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Ngân hàng TMCP V (V1); Trụ sở: số H L, Phường Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị T – Cán bộ xử lý nợ; Điện thoại: 0984.xxx.xxx

+ Công ty cổ phần M; Trụ sở: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T1 – Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị T – Cán bộ xử lý nợ; Điện thoại: Bà T 0984.xxx.xxx.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 02/12/1978; Căn cước công dân số: 0401780xxxxx do Cục C về TTXH cấp ngày 16/12/2021; Nơi thường trú: khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Nay là phường T, tỉnh Nghệ An); Nơi ở hiện nay: Phòng 1801, Chung cư D, số F, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An); Điện thoại: 0392.9xxx.xxx.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả theo các Hợp đồng cho vay số LN2307209770956 ngày 24/7/2023, Hợp đồng cho vay

số LN2406243003610 ngày 25/6/2024 và các Khế ước nhận nợ là 10.102.106.901 đồng (Mười tỷ, một trăm linh hai triệu, một trăm linh sáu nghìn, chín trăm linh một đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 8.394.667.949 đồng;

- Nợ lãi (tính đến ngày 24/3/2026): Lãi trong hạn: 91.449.764 đồng; Lãi quá hạn: 1.519.894.166 đồng; Lãi chậm trả: 96.095.022 đồng. Cụ thể:

+ Phần dư nợ bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tương ứng với 5% dư nợ là 505.105.345 đồng (Năm trăm linh năm triệu, một trăm linh năm nghìn, ba trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 419.733.397 đồng;

- Nợ lãi (tính đến ngày 24/3/2026): Lãi trong hạn: 4.572.488 đồng; Lãi quá hạn: 75.994.709 đồng; Lãi chậm trả: 4.804.751 đồng.

+ Phần dư nợ bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần M tương ứng với 95% dư nợ là 9.597.001.556 đồng (Chín tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, không trăm linh một nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó:

- Nợ gốc: 7.974.934.552 đồng;

- Nợ lãi (tính đến ngày 24/3/2026): Lãi trong hạn: 86.877.276 đồng; Lãi quá hạn: 1.443.899.457 đồng; Lãi chậm trả: 91.290.271 đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M thì Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M mỗi bên tự mình có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là:

+ Tài sản 01: Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 26; địa chỉ tại: xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (Nay là xã Đ, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL871823, số vào sổ cấp GCN: CN00290 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/7/2023. Ngày 24/7/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T đã đăng ký chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H. Tài sản trên được thế chấp bảo đảm khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số

LN2307209770956 ngày 24/7/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 25/6/2024.

+ **Tài sản 02:** Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 293, tờ bản đồ số 9; địa chỉ tại: khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An và một ngôi nhà BTCT 01 tầng diện tích 90m2 và một ngôi nhà cấp 4 xây dựng đã lâu (Nay là phường T, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL871825, số vào số cấp GCN: CN00176 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/7/2023. Ngày 24/7/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T đã đăng ký chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H. Tài sản trên được thế chấp bảo đảm khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số LN2307209770956 ngày 24/7/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 25/6/2024 và Văn bản thỏa thuận ký giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng TMCP V (V1) ngày 24/7/2023.

+ **Tài sản 03:** Toàn bộ quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất số 428, tờ bản đồ số 34; địa chỉ tại: khối T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An và 1 dãy nhà ở 1 tầng, nhà cấp 4, xây dựng trên diện tích đất QH (Nay là phường T, tỉnh Nghệ An) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL871824, số vào số cấp GCN: CN00279 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T – tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/7/2023. Ngày 24/7/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã T đã đăng ký chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H. Tài sản trên được thế chấp bảo đảm khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số LN2307209770956 ngày 24/7/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 25/6/2024 và Văn bản thỏa thuận ký giữa bà Nguyễn Thị Thu H với V1 ngày 24/7/2023.

2.4. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, bà Nguyễn Thị Thu H đồng ý tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) và Công ty cổ phần M cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2.5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H thỏa thuận chịu tiền án phí hòa giải thành theo quy định của pháp luật là 59.051.053 đồng (Năm mươi chín triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, không trăm năm mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 11.480.000 đồng (Mười một triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001181 ngày 13/10/2025

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền 58.185.000 đồng (Năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại

Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001184 ngày 13/10/2025.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An;
- Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.